

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
QUÝ 4 NĂM 2008

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ (01/10/2008)	Số dư cuối kỳ (31/12/2008)
I	Tài sản ngắn hạn	977,927,071,784	1,041,580,432,117
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	5,163,750,178	37,690,296,450
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	866,300,770,461	900,423,774,001
4	Hàng tồn kho	99,863,190,171	99,181,921,849
5	Tài sản ngắn hạn khác	6,599,360,974	4,284,439,817
II	Tài sản dài hạn	907,950,063,068	721,582,279,018
1	Các khoản phải thu dài hạn	133,401,449,121	126,702,772,088
2	Tài sản cố định	291,972,797,559	361,929,816,844
	- Tài sản cố định hữu hình	153,136,472,930	209,459,012,347
	- Tài sản cố định vô hình	879,764,200	1,139,726,993
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	137,956,560,429	151,331,077,504
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	445,064,866,816	192,550,176,906
4	Tài sản dài hạn khác	37,510,949,572	40,399,513,180
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,885,877,134,852	1,763,162,711,135
IV	Nợ phải trả	1,573,753,489,393	1,446,556,284,817
1	Nợ ngắn hạn	831,319,759,874	507,856,880,297
2	Nợ dài hạn	742,433,729,519	938,699,404,520
V	Vốn chủ sở hữu	312,123,645,459	316,606,426,318

1	Vốn chủ sở hữu	306,455,709,403	311,076,269,262
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320,000,000,000	320,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	2,725,000,000	2,725,000,000
	- Cổ phiếu quỹ	(17,943,040,000)	(17,943,040,000)
	- Các quỹ	5,462,640,648	5,081,589,561
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3,788,891,245)	1,212,719,701
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	5,667,936,056	5,530,157,056
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	5,667,936,056	5,530,157,056
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,885,877,134,852	1,763,162,711,135

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý 4 năm 2008	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40,970,502,798	226,619,148,980
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	134,109,633	288,004,715
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40,836,393,165	226,331,144,265
4	Giá vốn hàng bán	38,075,772,930	204,012,778,250
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,760,620,235	22,318,366,015
6	Doanh thu hoạt động tài chính	34,398,036,403	35,201,938,278
7	Chi phí tài chính	30,986,742,164	85,322,916,298
8	Chi phí bán hàng	427,487,726	1,284,078,123
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,068,305,459	18,750,786,216
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1,676,121,289	(47,837,476,344)
11	Thu nhập khác	12,050,666,367	72,121,133,637
12	Chi phí khác	8,725,176,710	29,617,238,462
13	Lợi nhuận khác	3,325,489,657	42,503,895,175
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,001,610,946	(5,333,581,169)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành		245,804,007
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,001,610,946	(5,579,385,176)
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	0	0
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	0	0

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Đoàn Đức Hồng